TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH QUẢNG NINH** **--- * ---** **Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST** **Ngày: 04/9/2020** *"V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Chí Mạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Đoàn văn Chương** 2. Ông **Phạm Minh Thư**

-*Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lý**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đăng Viện**- *Chức vụ: Kiểm sát viên*.

-Ngày 04/9/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2020 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35 /2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17/8/2020 giữa:

-***Nguyên đơn*:** Bà **Vũ Thị A,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

-***Bị đơn*:** Ông **Ngô Quang B,** sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh-Vắng mặt. (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Vũ Thị A trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu đến năm 1990 bà Vũ Thị A và ông Ngô Quang B kết hôn, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên hai người không đến UBND đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau có lúc xảy ra xô xát, một phần do ông B có người phụ nữ khác. Vì thế, hai người đã ly thân nhau từ năm 2007 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó,

bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án xử tuyên bố không công nhận bà và ông Ngô Quang B là vợ chồng.

-***Về con chung***: Bà A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung đều đã trưởng thành là: Ngô Thị G, sinh ngày 18/02/1993 và Ngô Quang H, sinh ngày 29/5/1994. Quan điểm của bà A các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-***Về tài sản chung***: Bà A xác nhận bà và ông B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Ngô Quang B có quan điểm thể hiện:*

-Về tình cảm và quá trình tìm hiểu về chung sống giữa ông và bà A , ông thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và tự nguyện kết hôn như bà A đã trình bày là đúng. Ông B xác nhận hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất vào khoảng năm 2007 hai người đã ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay bà A có đơn đề nghị Tòa án xử không công nhận ông và bà A là vợ chồng, ông nhất trí.

-***Về con chung***: Ông B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung là: Ngô Thị G, sinh ngày 18/02/1993 và Ngô Quang H, sinh ngày 29/5/1994. Quan điểm của ông B các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-***Về tài sản chung***: Ông B xác nhận vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của bà Vũ Thị A. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị A và ông Ngô Quang B là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] ***Về Tố Tụng*****:** Ngày 03/6/2020, người khởi kiện là bà Vũ Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó Tòa án tiến hành thụ lý vụ

án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 03/6/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là*"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**] ***Về tình cảm***: Bà Vũ Thị A và ông Ngô Quang B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên hai người không đến UBND có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn cuộc sống chung không được hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng, ông B có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhau. Vì thế, bà A và ông B thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên cả hai đề nghị Tòa án xử không công nhận họ là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 14,15- Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Vũ Thị A.

[**3**] ***Về con chung***: Các đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung là: Ngô Thị G, sinh ngày 18/02/1993 và Ngô Quang H, sinh ngày 29/5/1994 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[**4**]***Về tài sản chung***: Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[**5**]***Về án phí***: Án phí hôn nhân gia đình bà Vũ Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-***Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Vũ Thị A.

Xử: Tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị A và ông Ngô Quang B là vợ chồng.

2.*Về án phí:* Bà Vũ Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001861 ngày 10/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận
-TAND Tỉnh Quảng Ninh.
-VKS thị xã C.
-T.H.A DS
-Các đương sự
-Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh